

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016**

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC  
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

*(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)*

## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016	8 - 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016	11 - 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2016	12 - 31

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2016 của Công ty.

### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp. Mã số doanh nghiệp 4500140073, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 01 tháng 9 năm 2016.

Vốn điều lệ : 1.729.907.238.845 Đồng

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh :

\* **Hoạt động công ích**

- Quản lý khai thác các công trình thủy lợi;
- Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt.

\* **Hoạt động ngoài công ích**

- Thi công sửa chữa, xây dựng các công trình thủy lợi, dân dụng;
- Tổ chức đội thi công thực hiện tu bổ, sửa chữa thường xuyên, cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi bằng nguồn vốn thủy lợi phí hoặc ngân sách cấp theo kế hoạch hàng năm.
- Thiết kế các công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp có quy mô vừa, nhỏ; Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi;

Cung cấp nước cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ ngoài công ích.

### Trụ sở chính

Địa chỉ : 144 Đường 21 tháng 8, Phường Phước Mỹ, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại : (0683) 823 338

Fax : (0683) 825 500

Mã số thuế : 4 5 0 0 1 4 0 0 7 3

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Báo cáo Ban Giám đốc (tiếp theo)

---

Các địa điểm kinh doanh thuộc Công ty

**1. Trạm Thủy nông Ninh Phước**

- Địa chỉ: Khu phố 5, Thị trấn Phước Dân, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0001

**2. Trạm Thủy nông Ninh Hải**

- Địa chỉ: Thôn Gò Sạn, Xã Bắc Phong, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0005

**3. Trạm Thủy nông Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm**

- Địa chỉ: Số 28, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Mỹ Bình, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0002

**4. Trạm Thủy nông Thuận Bắc**

- Địa chỉ: Xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0003

**5. Trạm Thủy nông Ninh Sơn**

- Địa chỉ: Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0004

**6. Trạm Thủy nông Bác Ái**

- Địa chỉ: Xã Phước Đại, Huyện Bác Ái, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0006

**7. Trạm Thủy nông Thuận Nam**

- Địa chỉ: Xã Phước Nam, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0007

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Báo cáo Ban Giám đốc (tiếp theo)

### CHỦ TỊCH CÔNG TY, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

**Chủ tịch Công ty:** Ông Phạm Văn Hùng

#### Ban Kiểm soát

1. Ông Đỗ Ngọc Thoại Trưởng ban
2. Bà Trần Thị Phước Tuyên Ủy viên

#### Ban Giám đốc

3. Ông Phạm Văn Hùng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty
4. Ông Hoàng Văn Hùng Phó Giám đốc
5. Ông Nguyễn Văn Bội Phó Giám đốc
6. Ông Phạm Ngọt Phó Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TPHCM thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 08 đến trang 31.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- \* Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;

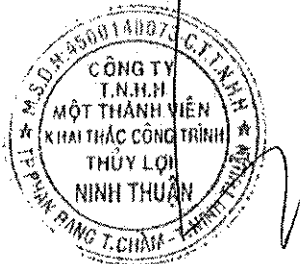
## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Báo cáo Ban Giám đốc (tiếp theo)

- \* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- \* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- \* Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- \* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2016 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty 



**Giám đốc - Phạm Văn Hùng**

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Số: 10/2017/BCTC-NTV.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận, được lập ngày 03 tháng 02 năm 2017, từ trang 08 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt**

**Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**



**Giám đốc - Võ Công Tuấn**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số : 0486-2014-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2017

**Kiểm toán viên – Nguyễn Hữu Thắng**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số : 2818-2014-124-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>30.201.886.212</b>	<b>26.460.705.553</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	24.491.762.614	25.619.274.610
111	1 Tiền		422.310.339	1.619.274.610
112	2 Các khoản tương đương tiền		24.069.452.275	24.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		<b>5.587.216.110</b>	<b>514.562.966</b>
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	5.172.542.597	137.688.431
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	10.000.000	10.000.000
135	3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	150.000.000	-
136	4 Phải thu ngắn hạn khác	V.5	254.673.513	366.874.535
140	IV. Hàng tồn kho		<b>111.024.970</b>	<b>129.594.993</b>
141	1 Hàng tồn kho	V.6	111.024.970	129.594.993
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		<b>11.882.518</b>	<b>197.272.984</b>
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.7	11.882.518	197.272.984
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.059.648.908.467</b>	<b>1.725.051.764.834</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		<b>2.058.827.193.403</b>	<b>1.724.925.399.918</b>
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.8	2.058.827.193.403	1.724.925.399.918
222	- Nguyên giá		2.119.587.826.416	1.784.611.179.662
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.760.633.013)	(59.685.779.744)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		<b>524.636.161</b>	-
242	1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	524.636.161	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		<b>297.078.903</b>	<b>126.364.916</b>
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.10	297.078.903	126.364.916
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.089.850.794.679</b>	<b>1.751.512.470.387</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH THUẬN**

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>19.596.984.434</b>	<b>16.492.908.998</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>19.596.984.434</b>	<b>16.492.908.998</b>
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	10.322.235.327	5.055.614.110
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	-	2.082.697.437
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	84.679.912	321.008.905
314	4 Phải trả người lao động	V.14	4.878.588.042	4.953.783.334
315	5 Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	33.000.000	33.000.000
319	6 Phải trả ngắn hạn khác	V.16	32.864.791	26.861.107
322	7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	4.245.616.362	4.019.944.105
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.070.253.810.245</b>	<b>1.735.019.561.389</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.18	<b>2.070.253.810.245</b>	<b>1.735.019.561.389</b>
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu	V.18.1	2.063.731.273.746	1.729.875.967.773
418	2 Quỹ đầu tư phát triển	V.18.2	1.309.254.737	-
421	3 Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.18.3	5.182.010.690	5.112.322.544
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		5.182.010.690	5.112.322.544
422	4 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	V.18.4	31.271.072	31.271.072
430	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.089.850.794.679</b>	<b>1.751.512.470.387</b>

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 03 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

Phạm Văn Hoàng

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

ĐVT: VND

338482-00  
CÔNG TY TNHH  
KIỂM TOÁN  
BẢN TÂM VĨ  
CHI NHÁNH  
TẠI THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
KẾ HOẠCH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.19	75.761.425.675	66.113.172.568
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.761.425.675	66.113.172.568
11	4 Giá vốn hàng bán	VI.20	67.309.807.569	59.056.024.596
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.451.618.106	7.057.147.972
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.21	1.572.751.949	1.514.453.868
22	7 Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8 Chi phí bán hàng		-	-
26	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.22	4.852.461.587	4.087.525.272
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.171.908.468	4.484.076.568
31	11 Thu nhập khác	VI.23	638.011.488	1.429.108.222
32	12 Chi phí khác	VI.24	23.054.033	25.268.609
40	13 Lợi nhuận khác		614.957.455	1.403.839.613
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.786.865.923	5.887.916.181
51	15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.25	604.855.233	775.593.637
52	16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		5.182.010.690	5.112.322.544

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 03 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*TM*

*LM*



Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

Phạm Văn Hoàng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		69.644.076.923	71.638.528.166
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(45.675.508.219)	(46.774.166.416)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(19.630.400.229)	(14.364.713.826)
04	4 Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(405.414.698)	(900.000.000)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.955.851.604	4.848.025.857
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.264.309.825)	(12.444.070.415)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.375.704.444)</b>	<b>2.003.603.366</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.194.859.048)	(77.000.000)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	34.222.091
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(69.000.000.000)	(48.000.000.000)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		69.000.000.000	48.000.000.000
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.443.051.496	1.474.745.533
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>248.192.448</b>	<b>1.431.967.624</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3 Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4 Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-

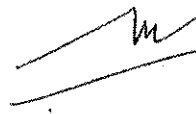
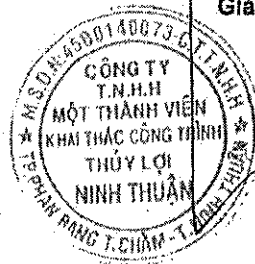
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.127.511.996)	3.435.570.990
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	25.619.274.610	22.183.703.620
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	24.491.762.614	25.619.274.610

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 03 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

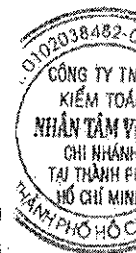
Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

Phạm Văn Hùng

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM 2016**



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty").

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một Thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Công ích - Sản xuất - Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động công ích: Quản lý, khai thác công trình thủy lợi, thu thủy lợi phí và tiền cung cấp nước.

Hoạt động kinh doanh: Nhận thầu khảo sát thiết kế, xây dựng cơ bản.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

### **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

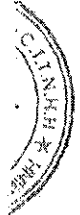
Năm 2016

## Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

### Hình thức sổ kế toán.

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán : Chứng từ ghi sổ.



## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quý, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh của các hạng mục công trình chưa được nghiệm thu, hoàn công.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 có hiệu lực thi hành từ ngày 28/11/2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc và thiết bị	10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10
- Tài sản cố định khác	5 – 10
- Các Công trình thủy lợi: Hồ đập, đê, kênh,...	Không khấu hao

### 6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính





## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 7. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 8. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### 9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

### 10. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.



## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

### 11. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp của Chủ sở hữu.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

#### *Trích lập các quỹ*

Các quỹ (Quỹ Đầu tư và Phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi; Quỹ Khen thưởng Ban điều hành quản lý) được trích lập và sử dụng theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Điều lệ, Quy chế tài chính của công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Quyết định của Chủ tịch Công ty hàng năm sau khi có Văn bản thống nhất thông qua phương án trích lập các quỹ của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

### 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

#### ❖ *Doanh thu thủy lợi phí*

Doanh thu thủy lợi phí gồm:

- Doanh thu ngân sách cấp bù miễn thu thủy lợi phí là khoản tiền được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận phê duyệt quyết toán kinh phí cấp bù trên cơ sở nghiệm thu diện tích tưới mà công ty thực hiện được với các tổ chức, cá nhân đơn vị dùng nước theo hợp đồng tưới và nghiệm thu thanh lý diện tích.
- Doanh thu cung cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp (thủy lợi phí) là khoản tiền thực tế đã thu được trong năm theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng tưới nước.
- Doanh thu hợp đồng cấp nước cho nhà máy nước sản xuất nước sạch, các nhà máy sản xuất công nghiệp (tiền nước) là khoản tiền được khách hàng chấp nhận thanh toán theo Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng

#### ❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể.
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỖ LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

### ❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 13. **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết

Trường hợp HFXD qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện HFXD được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

### 14. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**15. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

**16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt tại quỹ	17.026.909	17.241.212
- Tiền gửi ngân hàng	405.283.430	1.602.033.398
- Các khoản tương đương tiền	24.069.452.275	24.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.491.762.614</b>	<b>25.619.274.610</b>
<b>2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
- Sở Tài chính Tỉnh Ninh Thuận	4.770.418.199	-
- Công An Tỉnh Ninh Thuận	137.688.431	137.688.431
- BQLDA Khai thác công trình thủy lợi	264.435.967	-
<b>Cộng</b>	<b>5.172.542.597</b>	<b>137.688.431</b>



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

3.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
----	----------------------------------	------------	------------

Là khoản trả trước phí kiểm toán cho Công ty TNHH Kiểm Toán Nhân Tâm Việt

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

-	Nguyễn Minh Châu	50.000.000	-
-	Đàng Minh Họa	50.000.000	-
-	Nguyễn Lâm Huân	50.000.000	-
	<b>Cộng</b>	<b>150.000.000</b>	<b>-</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

-	Tạm ứng	44.400.000	18.900.000
-	Kỳ cược, ký quỹ	110.317.000	306.948.000
-	Phải thu khác	99.956.513	41.026.535
	<b>Cộng</b>	<b>254.673.513</b>	<b>366.874.535</b>

6.	Hàng tồn kho	111.024.970	129.594.993
----	--------------	-------------	-------------

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ là nguyên vật liệu dùng sửa chữa, bảo trì công trình đê, đập các công trình thủy lợi.

**7. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước**

-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	197.272.984
-	Thuế Thu nhập cá nhân	11.882.518	-
	<b>Cộng</b>	<b>11.882.518</b>	<b>197.272.984</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Công trình thủy lợi	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>								
- Số đầu năm		1.781.588.178.615	370.082.855	2.189.277.792	425.640.400	-	38.000.000	1.784.611.179.662
- Mua trong năm		-	394.033.713	-	-	-	-	394.033.713
- Đầu tư XDCB hoàn thành		829.607.068	-	-	-	-	-	829.607.068
- Tặng do nhận bàn giao [*]		-	-	-	-	333.855.305.973	-	333.855.305.973
- Phân loại lại nhóm tài sản		(1.758.051.205.442)	-	-	-	1.758.051.205.442	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		(102.300.000)	-	-	-	-	-	(102.300.000)
- Số cuối năm		24.264.280.241	764.116.568	2.189.277.792	425.640.400	2.091.906.511.415	38.000.000	2.119.587.826.416
<b>Giá trị hao mòn</b>								
- Số đầu năm		57.228.046.897	359.306.855	1.778.426.632	311.129.360	-	8.870.000	59.685.779.744
- Khấu hao trong năm		1.005.131.886	11.376.517	105.934.160	47.110.706	-	7.600.000	1.177.153.269
- Phân loại lại nhóm tài sản		(51.211.197.927)	-	-	-	51.211.197.927	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		(102.300.000)	-	-	-	-	-	(102.300.000)
- Số cuối năm		6.919.680.856	370.683.372	1.884.360.792	358.240.066	51.211.197.927	16.470.000	60.760.633.013
<b>Giá trị còn lại</b>								
- Tại ngày đầu năm		1.724.360.131.718	10.776.000	410.851.160	114.511.040	-	29.130.000	1.724.925.399.918
- Tại ngày cuối năm		17.344.599.385	393.433.196	304.917.000	67.400.334	2.040.695.313.488	21.530.000	2.058.827.193.403
<b>Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng</b>								
Tại ngày đầu năm		324.787.479	337.752.855	1.129.936.192	174.670.000	-	-	1.967.146.526
Tại ngày cuối năm		324.787.479	337.752.855	1.219.277.792	308.170.400	-	-	2.189.988.526

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- [\*] Tài sản cố định ghi nhận trong năm theo các Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận về việc bàn giao các công trình thủy lợi, đồng thời ghi tăng nguồn Vốn chủ sở hữu tại Công ty (tham chiếu thuyết minh số V17.1)

Tài sản do Nhà nước giao quản lý là các công trình thủy lợi theo các Quyết định của UBND Tỉnh Ninh Thuận là các hồ, đập, kênh thủy lợi, đề kè là các tài sản cố định không khấu hao.

Tài sản cố định thanh lý trong năm là phá dỡ các công trình, vật kiến trúc đã hư hỏng, hết thời gian sử dụng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang **524.636.161**

Chi phí dở dang công trình Gia cố nâng cấp kênh chính Bàu Ngứ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	126.364.916	221.268.959
- Tăng trong năm	444.715.500	250.822.000
- Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm	274.001.513	345.726.043
- Số cuối năm	<b>297.078.903</b>	<b>126.364.916</b>

11. Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH Long Vĩnh	1.714.216.519	-
- Nguyễn Văn Bội	1.381.959.421	1.063.282.355
- Công ty TNHH Xây dựng An Nguyên	833.800.000	-
- Viện Đào tạo Và Khoa học Ứng dụng Miền Trung	766.445.924	279.091.720
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Thịnh	648.980.687	288.995.666
- Nguyễn Đại Nghĩa	588.566.800	168.256.000
- Công ty TNHH XD-TM-DV Hải Vân	532.207.740	68.926.000
- Sở Tài chính Ninh Thuận	360.140.235	143.858.285
- Công ty TNHH Ninh Phát	351.428.955	291.647.358
- Dương Văn Vĩnh	346.325.358	145.112.542
- Phùng Quốc Trung	314.700.217	132.505.003
- Các khoản phải trả người bán khác	2.483.463.471	2.473.939.181
<b>Cộng</b>	<b>10.322.235.327</b>	<b>5.055.614.110</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**12. Người mua trả trước ngắn hạn**

- Sở Tài chính Tỉnh Ninh Thuận	-	2.001.719.934
- BQL khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	-	35.977.503
- Nguyễn Ngọc Châu	-	45.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b>2.082.697.437</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	289.372.345	989.601.150	1.241.484.004	37.489.491
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(197.272.984)	604.855.233	405.414.698	2.167.551
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	50.028.978	61.911.496	(11.882.518)
- Thuế Tài nguyên	31.636.560	387.209.362	373.823.052	45.022.870
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	106.738.488	106.738.488	-
- Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>123.735.921</b>	<b>2.141.433.211</b>	<b>2.192.371.738</b>	<b>72.797.394</b>

**Trong đó**

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	321.008.905			84.679.912
- Thuế nộp thừa (*)	197.272.984			11.882.518

(\*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.7)

**Thuế Giá trị gia tăng**

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

**Thuế suất áp dụng**

- + Thủy lợi phí : Không chịu thuế
- + Cung cấp nước : 5%
- + Các hoạt động khác : 10%



# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

## Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty được miễn Thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thu tiền thủy lợi phí cấp bù và không cấp bù (trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp) nhưng do không tách được chi phí cho từng hoạt động nên Công ty thực hiện phân bổ chi phí theo tiêu thức doanh thu đối với hoạt động thu tiền thủy lợi phí (cấp bù và không cấp bù), dịch vụ cung cấp nước cho các nhà máy sản xuất nước sinh hoạt, công nghiệp.

## Thuế Tài nguyên

Thuế Tài nguyên được tính cho việc sử dụng nước mặt. Cách xác định Thuế Tài nguyên nước là:

**Lượng nước sử dụng (m<sup>3</sup>) x giá tính thuế (2.000đ/m<sup>3</sup>) x thuế suất.**

Thuế suất áp dụng:

- + Sản xuất nước sạch : 1%
- + Phục vụ sản xuất : 3%

## Tiền thuê đất

Tiền thuê đất phải nộp xác định theo hợp đồng thuê đất số 17/KI//HĐ-TĐ ngày 28/11/2012 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân Tỉnh Ninh Thuận.

Theo Thông báo số 1619/TB-CT ngày 29/4/2016 của Cục Thuế Tỉnh Ninh Thuận về đơn giá tiền thuê đất, thuê mặt nước, Công ty sẽ áp dụng đơn giá thuê đất là 24.000 Đồng/m<sup>2</sup>/năm ổn định từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2020. Tiền thuê đất mỗi năm phải nộp là: 103.629.600 Đồng/năm.

## Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

14. Phải trả người lao động	4.878.588.042	4.953.783.334
-----------------------------	---------------	---------------

Tiền lương và các khoản còn phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động.



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

15.	Chi phí phải trả ngắn hạn	33.000.000	33.000.000
-----	---------------------------	------------	------------

Là khoản trích trước phí kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

-	Bảo hiểm xã hội	-	5.580.122
-	Bảo hiểm thất nghiệp	21	-
-	Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.864.770	21.280.985
	<b>Cộng</b>	<b>32.864.791</b>	<b>26.861.107</b>



**17. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi**

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng	1.920.893.511	2.565.438.573	2.413.368.250	2.072.963.834
- Quỹ phúc lợi	2.098.998.470	1.099.473.674	1.039.691.300	2.158.780.844
- Quỹ khen thưởng Ban Điều hành QL	52.124	138.155.560	124.336.000	13.871.684
	<b>Cộng</b>	<b>4.019.944.105</b>	<b>3.803.067.807</b>	<b>4.245.616.362</b>

**18. Vốn chủ sở hữu**

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
18.1	Vốn đầu tư của CSH	1.729.875.967.773	333.855.305.973		2.063.731.273.746
18.2	Quỹ đầu tư phát triển	-	1.309.254.737	-	1.309.254.737
18.3	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	5.112.322.544	5.182.010.690	5.112.322.544	5.182.010.690
18.4	Nguồn vốn đầu tư XDCB	31.271.072			31.271.072
	<b>Cộng</b>	<b>1.735.019.561.389</b>	<b>340.346.571.400</b>	<b>5.112.322.544</b>	<b>2.070.253.810.245</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**18.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong năm do nhận bàn giao Tài sản cố định và phê duyệt tăng giá trị quyết toán các công trình thủy lợi của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận.

**18.2 Quỹ Đầu tư phát triển****1.309.254.737**

Khoản tăng Quỹ Đầu tư phát triển trong năm 2016 được trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015.

**18.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	5.112.322.544	3.813.833.685
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	(5.112.322.544)	(3.813.833.685)
+ Quỹ đầu tư phát triển	(1.309.254.737)	-
+ Quỹ khen thưởng (70%)	(2.565.438.573)	(2.543.647.092)
+ Quỹ phúc lợi (30%)	(1.099.473.674)	(1.090.134.469)
+ Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	(138.155.560)	(180.052.124)
- Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay	-	-
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	5.182.010.690	5.112.322.544
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau	5.182.010.690	5.112.322.544

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Văn bản số 2835/UBND-TH ngày 19/07/2016 của Chủ tịch UBND Tỉnh Ninh Thuận.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu dịch vụ nước	16.252.194.305	12.027.606.174
- Doanh thu Thủy lợi phí phải thu	330.239.008	406.949.748
- Doanh thu Thủy lợi phí cấp bù	57.469.506.000	47.996.239.418
- Doanh thu XDCB	1.709.486.362	5.682.377.228
<b>Cộng</b>	<b>75.761.425.675</b>	<b>66.113.172.568</b>
<b>20. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn cấp bù thủy lợi phí	65.600.321.207	53.099.122.561
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.709.486.362	5.982.830.035
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(25.928.000)
<b>Cộng</b>	<b>67.309.807.569</b>	<b>59.056.024.596</b>
<b>21. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>1.572.751.949</b>	<b>1.514.453.868</b>
Lãi tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại.		
<b>22. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	2.497.133.676	1.836.866.891
- Chi phí vật liệu quản lý	81.547.500	89.409.600
- Chi phí đồ dùng văn phòng	204.410.507	113.711.276
- Chi phí khấu hao TSCĐ	277.083.977	246.667.864
- Thuế, phí và lệ phí	146.780.988	112.295.863
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	380.673.964	360.985.575
- Chi phí bằng tiền khác	1.264.830.975	1.327.588.203
<b>Cộng</b>	<b>4.852.461.587</b>	<b>4.087.525.272</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

27

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**23. Thu nhập khác**

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	34.222.091
- Thu từ việc tu sửa các công trình thủy lợi	51.232.077	609.875.119
- Thu tiền nhiên liệu chống hạn từ Sở Tài chính Tỉnh Ninh Thuận	500.000.000	556.403.699
- Thu nhập khác	86.779.411	228.607.313
<b>Cộng</b>	<b>638.011.488</b>	<b>1.429.108.222</b>

**24. Chi phí khác**

- Chi phí thanh lý tài sản	-	3.982.215
- Điều chỉnh quyết toán các công trình năm trước	21.099.087	7.010.900
- Vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế	1.573.446	14.275.494
- Các khoản chi phí khác	381.500	-
<b>Cộng</b>	<b>23.054.033</b>	<b>25.268.609</b>

**25. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.786.865.923	5.887.916.181
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	74.612.280	58.899.174
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	-	168.648.381
- <b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.861.478.203</b>	<b>5.778.166.974</b>
<i>Trong đó</i>		
+ Thu nhập được miễn thuế TNDN (thuỷ lợi phí)	2.864.275.526	2.577.184.405
+ Thu nhập chịu thuế TNDN	2.997.202.677	3.200.982.569
- Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
- <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>599.440.535</b>	<b>704.216.165</b>
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	5.414.698	71.377.472
- <b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>604.855.233</b>	<b>775.593.637</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

28



## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

### 26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.650.554.667	7.199.330.709
- Chi phí nhân công	34.458.810.191	30.693.459.961
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.177.153.269	1.185.950.428
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.896.900.975	15.638.305.205
- Chi phí khác bằng tiền	5.001.904.087	8.451.772.174
<b>Cộng</b>	<b>72.185.323.189</b>	<b>63.168.818.477</b>

### VII. THÔNG TIN CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### Các giao dịch không bằng tiền

- Trong năm, Công ty đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh Ninh Thuận giao tài sản cố định với giá trị tài sản **333.855.305.973** Đồng theo các Văn bản phê duyệt quyết toán giá trị công trình của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Quyết định bàn giao Tài sản cho Công ty, đồng thời ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu tương ứng với giá trị nêu trên.

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Thông tin về các khoản kinh phí cấp bù thủy lợi phí

Trong năm 2016, Doanh thu thủy lợi phí cấp bù Công ty tính trên cơ sở Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh diện tích miễn thu thủy lợi phí năm 2016 theo từng diện tích nghiệm thu thanh lý của từng hệ thống công trình do công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi quản lý; Theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt quyết toán kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí năm 2016 cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận là: **57.469.506.000** đồng.

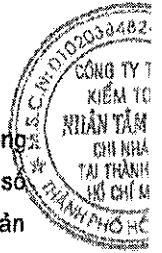
Doanh thu cấp bù thủy lợi phí được nhận ngân sách trong năm 2016 là **50.695.327.219** Đồng, số kinh phí cấp bù thừa so với quyết định phê duyệt quyết toán của năm 2015 là: **2.003.760.582** Đồng được chuyển sang cấp bù trong 2016.

Số kinh phí cấp bù thu thủy lợi phí còn thiếu là: **4.770.418.199** đồng .

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016



### 2. Thông tin về quỹ tiền lương 2016

Về việc quyết toán quỹ tiền lương của viên chức quản lý và thủ lao của Kiểm soát viên không chuyên trách công ty căn cứ theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP hướng dẫn tại Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH; đã được Hội đồng thẩm định tiền lương tỉnh thông qua theo Biên bản họp ngày 20/01/2017. Tổng quỹ lương thực hiện của người quản lý năm 2016 là **1.729.137.036** đồng. Tổng quỹ thủ lao thực hiện của kiểm soát viên không chuyên trách năm 2016 là: **61.899.072** đồng.

Tiền lương của người lao động thực hiện theo Nghị định số 51/2016/NĐ-CP hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH; Chủ tịch công ty đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo báo cáo số 01/BC-CT ngày 03/01/2017 và đã được Hội đồng thẩm định tiền lương tỉnh thông qua theo Biên bản họp ngày 20/01/2017; Quyết định số 15/QĐ-CT ngày 24/01/2017 của Chủ tịch Công ty về việc phê duyệt quyết toán tổng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động là **17.826.067.901** đồng.

### 3. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2016

Các Thông tư, văn bản luật có hiệu lực trong năm 2016 sau đây:

- Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế
- Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/04/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.
- Thông tư số 05/VBHN-BTC ngày 14/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.
- Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 11 năm 2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỖ LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

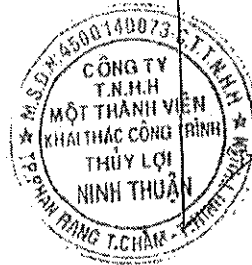
Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH cùng ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc và Viên chức quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2016; các chế độ quy định tại Thông tư này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 03 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

Phạm Văn Hương



